

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01-07-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học.

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1994 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Phú T, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Không Đức H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trại L, xã M, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày yêu cầu:**

- Về hôn nhân: Bà H và ông H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Khi thành hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2018 bà H cùng với ông H lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mặc dù bà H, ông H đã tạo nhiều cơ hội tha thứ, bù đắp lỗi lầm cho nhau nhưng cuộc sống vợ chồng cũng không hòa hợp và vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2018 đến nay. Vào tháng 9 năm 2018 bà H đã gửi đơn ly hôn ông Không

Đức H tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, sau đó đã rút lại đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018. Từ khi rút đơn về chung sống lại với nhau vẫn không đạt được hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Không Đức H.

- Về con chung: Có một người con tên Không Thành Đ, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2016 (nam), hiện đang sống chung với ông H. Khi ly hôn bà H không yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ, đồng ý giao cháu Đ cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Không Đức H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà H yêu cầu ly hôn, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Bà Đỗ Thị H và ông Không Đức H vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Đỗ Thị H yêu cầu ly hôn với ông Không Đức H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối với bà Đỗ Thị H có đơn xin vắng phiên xét xử đề ngày 24/5/2019 vì bận đi làm ăn xa, yêu cầu này của bà H là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Không Đức H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Không Đức H.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Không Đức H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 60/2016 ngày 30 tháng 11 năm 2016. Vì vậy

quan hệ hôn nhân của bà Đỗ Thị H và ông Không Đức H được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà H và ông H có nhiều bất hòa không thể hàn gắn được nên tháng 9 năm 2018 bà H đã gửi đơn ly hôn ông Không Đức H tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, sau đó rút lại đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018. Từ khi rút đơn ly hôn về chung sống lại với nhau thì giữa bà H và ông H vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, bà H tiếp tục gửi đơn xin ly hôn ông Không Đức H lần thứ hai.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông H không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà H, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa các đương sự đã rạn nứt, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho bà H và ông H nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị H đối với ông Không Đức H theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Có một người con tên Không Thành Đ, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2016 (nam), hiện đang sống chung với ông H. Khi ly hôn bà H không yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ, đồng ý giao cháu Đ cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, từ khi vợ chồng bà H sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay thì cháu Đ do ông H nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu Đ được đảm bảo nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với ý chí của bà H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Đỗ Thị H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị H và ông Không Đức H.
2. Về nuôi con chung: Giao một người con tên Không Thành Đ, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2016 (nam) cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016343 ngày 01 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh

